

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2024/DS-ST
Ngày: 19-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đức Minh

2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐXXST-DS ngày 08/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐHPT-DS ngày 26/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Bích T, sinh năm 1967; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1977; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1966; Nơi cư trú cuối cùng: Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà Nguyễn Bích T có mặt.

Bị đơn bà Nguyễn Thị X vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/4/2024, quá trình tố tụng giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn (bà Nguyễn Bích T) trình bày:

Bà Nguyễn Bích T và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1977; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương có mối quan hệ là người cùng ấp nên quen biết nhau.

Bà Nguyễn Thị X có vay của Nguyễn Bích T số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) thể hiện tại chứng cứ là “Giấy mượn tiền” ngày 11/8/2022. Khi vay tiền bà Nguyễn Thị X là người lập nội dung giấy vay tiền và số tiền vay, sau đó bà Nguyễn Thị X đồng ý ký tên dưới mục “Người vay”. Văn bản được lập thành 01 bản giao cho nguyên đơn cất giữ. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay số tiền 1.000.000.000 đồng là 03 tháng, thời hạn trả là ngày 11/11/2022.

Khi vay tiền vì tình nghĩa chị em nên bà T không có yêu cầu tính lãi suất gì đối với số tiền vay 1.000.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị X vay 1.000.000.000 đồng sử dụng vào mục đích làm ăn cá nhân. Khi vay số tiền 1.000.000.000 đồng để làm tin thì phía bà X có giao cho bà T cất giữ 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp H00850/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 04/02/2009 cho ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị X.

Còn đối với ông Phạm Văn L trước đây quan hệ là chồng của bà X, tuy nhiên năm 2010 thì hai bên đã ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Việc bà X vay số tiền 1.000.000.000 đồng thì ông Phạm Văn L không biết.

Khi đến thời hạn trả nợ, bà T có yêu cầu bà X thanh toán số tiền vay lúc đầu bà X còn nghe điện thoại của bà T và hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện, sau đó không nghe máy nữa nên hai bên phát sinh tranh chấp. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T yêu cầu bà X thanh toán khoản vay gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 12/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất nhà nước quy định.

Ngoài ra, nguyên đơn không có tranh chấp gì khác.

- Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn (bà Nguyễn Thị X) trình bày: Do phía bị đơn không có mặt trong suốt quá trình tố tụng nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.

- Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Phạm Văn L) trình bày: Do phía ông Phạm Văn L không có mặt trong quá trình tố tụng nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của ông Phạm Văn L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương phát biểu tại phiên tòa:

Ngày 06/3/2024, nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà X trả số tiền 1.000.000.000 đồng mà bà X vay của bà T. Ngày 15/4/2024, bà T bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà X trả tiền lãi với lãi suất 0.83%/tháng kể từ ngày

12/11/2022. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự (*hợp đồng vay tài sản*). Tòa án xác định đúng mối quan hệ pháp luật.

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ, nhận thấy:

Nguyên đơn bà Thủy cung C “Giấy mượn tiền” đề ngày 11/8/2022, nội dung: bà X vay của bà T số tiền 1.000.000.000 đồng. Không thỏa thuận lãi suất. Thời hạn vay từ ngày 11/8/2022 đến 11/11/2022. Bà X đưa cho bà T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 70, tờ bản đồ số 64, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương, đất cấp cho ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị X.

Quá trình giải quyết vụ án, bà X không có mặt tại nhà để nhận các văn bản của Tòa án, Tòa án đã niêm yết công khai theo quy định. Bà X không có ý kiến phản đối yêu cầu của bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo Kết luận giám định số 2513/KL-KTHS ngày 02/7/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận:

1. Chữ ký mang tên Nguyễn Thị X dưới mục “Người vay” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị X trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M9) không cùng dạng nên không tiến hành giám định.

2. Chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Thị X” dưới mục “Người vay” trên 01 (một) “Giấy mượn tiền” đề ngày 11/8/2022 (ký hiệu A) so với chữ ký (trừ kết luận mục 1), chữ viết họ tên Nguyễn Thị X trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M3 đến M10) do cùng một người ký và viết ra.

Như vậy, có căn cứ cho rằng bà X vay của bà T 1.000.000.000 đồng.

Về lãi suất: hợp đồng vay tiền được ký kết giữa bà T và bà X là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Như vậy, lãi suất được tính theo khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi là có căn cứ.

Căn cứ vào các chứng cứ của đương sự cung cấp, Tòa án thu thập và quy định của pháp luật tại các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T, buộc bị đơn bà X trả cho nguyên đơn bà T số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng và mức lãi suất 0.83%/tháng kể từ ngày 12/11/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Bích T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị X trả nợ số tiền vay và lãi 1.132.800.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đã nêu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[1.2] Quá trình xác minh thu thập chứng cứ thể hiện phía bị đơn bà Nguyễn Thị X hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[1.3] Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị X được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn L thể hiện đã thuận tình ly hôn với bà Nguyễn Thị X theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 23/2010/QĐST-HNGĐ ngày 22/10/2010 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Đồng thời tại Công văn số 56/CV-CAX ngày 05/6/2024 của Công an xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương xác định trước đây ông Phạm Văn L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương nhưng hiện nay không còn hộ khẩu và không còn sinh sống tại xã M, ở đâu và làm gì không rõ. Vì vậy, Tòa án đã thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 33, 34/TB-TA ngày 09/8/2024 nhưng phía ông Phạm Văn L không tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị X, ông Phạm Văn L theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện về tiền gốc:

Ngày 11/8/2022, bà Nguyễn Bích T có cho bà Nguyễn Thị X vay số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Chứng cứ bà Nguyễn Bích T cung cấp là văn bản có tiêu đề “Giấy mượn tiền”. Nội dung giấy vay tiền thể hiện bà X vay của bà T số tiền 1.000.000.000 đồng từ ngày 11/8/2022 và hẹn đến ngày 11/11/2022 sẽ hoàn trả số tiền này. Các bên không ghi nhận về lãi suất. Khi vay tiền bà Nguyễn Thị X là người lập nội dung giấy vay tiền và số tiền vay, sau đó bà X đồng ý ký tên tại mục “Người vay”. Văn bản được lập thành 01 bản giao cho nguyên đơn cất giữ. Đồng thời phía bà X có giao cho bà T giữ 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp H00850/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 04/02/2009 cho ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị X.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Nguyễn Thị X tham gia tố tụng nhưng bà Nguyễn Thị X vắng mặt không có lý do. Vì vậy, ngày 03/5/2024 bà Nguyễn Bích T đã yêu cầu Tòa án tiến hành giám định chữ ký tên và ghi họ tên “Nguyễn Thị X” tại mục “Người vay” trên chứng cứ “giấy mượn tiền” ngày 11/8/2022. Tại Kết luận giám định số 2513/KL-KTHS(TL) ngày 02/7/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận chữ ký và chữ viết họ tên “Nguyễn Thị X” trên các tài liệu giám định là do cùng một người ký và viết ra. Do đó, có đủ căn cứ xác định việc bà Nguyễn Thị X có vay của bà Nguyễn Bích T số tiền 1.000.000.000 đồng là hoàn toàn có thật.

Về thời hạn trả nợ: Khoản vay 1.000.000.000 đồng có xác định thời hạn trả là ngày 11/11/2022. Như vậy, bà Nguyễn Thị X đã không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ là vi phạm các Điều 463, 466, 469, 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Bích T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện và ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, bà Nguyễn Bích T yêu cầu bà Nguyễn Thị X phải trả số tiền lãi đối với khoảng vay 1.000.000.000 đồng này tính từ ngày 12/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà X có vay của bà T số tiền 1.000.000.000 đồng và có thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 11/11/2022. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ, bà X đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho bà T như đã cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, cần xem xét việc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng này. Về mức lãi suất, do các bên không thỏa thuận về lãi suất nên áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 5; Điều 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm) để xác định tiền lãi. Do nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với khoảng vay này từ ngày 12/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với các quy định đã nêu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo đó, tiền lãi được xác định như sau:

Từ ngày 12/11/2022 đến ngày 19/9/2024 là 22 tháng 07 ngày:

$$\begin{aligned} & 1.000.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 22 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} \\ &= 100.000.000 \text{ đồng}/\text{năm} \times 22 \text{ tháng} + 277.778 \text{ đồng}/\text{ngày} \times 07 \text{ ngày} \\ &= 183.333.348 \text{ đồng} + 1.944.446 \text{ đồng} = 185.278.000 \text{ đồng}. \end{aligned}$$

Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi bà X cần phải trả cho bà T đối với khoảng vay này là 1.000.000.000 đồng + 185.278.000 đồng = 1.185.278.000 đồng (một tỷ một trăm tám mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi tám ngàn đồng).

[3] Về chi phí tố tụng:

- Chi phí giám định + chi phí đi lại 02 lần là 3.530.000 đồng (ba triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng). Do bị đơn không tham gia tố tụng nên nguyên đơn đã yêu cầu giám định và nộp tạm ứng chi phí giám định. Kết quả giám định xác định đúng chữ ký, chữ viết trên hợp đồng là của bị đơn nên bị đơn phải chịu và nộp chi phí giám định hoàn trả cho nguyên đơn số tiền là 3.530.000 đồng.

- Chi phí đăng tin thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú: 3.737.963 đồng (ba triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn chín trăm sáu mươi ba đồng). Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí này nên bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 3.737.963 đồng.

[4] Xét, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về phần thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Bích T số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 4, 5, 26, 35, 39, 68, 147, 161, 186, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bích T đối với bà Nguyễn Thị X về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Bích T số tiền 1.185.278.000 đồng (một tỷ một trăm tám mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Bích T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà Nguyễn Thị X chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Bà Nguyễn Bích T có trách nhiệm giao trả lại cho bà Nguyễn Thị X 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp H00850/QĐ-UB do

Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 04/02/2009 cho ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị X.

3. Chi phí tố tụng:

- Chi phí giám định + chi phí đi lại 02 lần là 3.530.000 đồng (ba triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng). Bị đơn bà Nguyễn Thị X phải chịu và nộp chi phí giám định hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Bích T số tiền 3.530.000 đồng (ba triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng).

- Chi phí đăng tin thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú: 3.737.963 đồng (ba triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn chín trăm sáu mươi ba đồng). Bị đơn bà Nguyễn Thị X phải chịu và hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Bích T số tiền 3.737.963 đồng (ba triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn chín trăm sáu mươi ba đồng).

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị X phải nộp số tiền 47.558.340 đồng (bốn mươi bảy triệu năm trăm năm mươi tám ngàn ba trăm bốn mươi đồng).

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Bích T số tiền 24.320.000 đồng (hai mươi bốn triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004913 ngày 26/3/2024 và biên lai thu số 0004977 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 19/9/2024).

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Xuân Nam

